

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2025/HC-ST
Ngày 30 - 9 - 2025
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Lập

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh họp phiên toà để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST-HC ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa:

1. Người khởi kiện:

Bà Võ Kim N, sinh năm 1955. Địa chỉ: 1 khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1 Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Huỳnh Phi L, Văn phòng L1, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần P. Địa chỉ: Số D - D Đường Số A, khu Phố B, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Nay là phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh T1, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân T2, Trưởng Ban quản lý dự án kiêm đội trưởng đội DVHT.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/6/2025, và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bà Võ Kim N là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 1 tại Khu phố A, thị trấn T, huyện T, Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh. Năm 2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 8280/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 thu hồi toàn bộ thửa đất nói trên của bà N để thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Tại Quyết định về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T bồi thường cho bà N số tiền 2.481.186.000 đồng. Ngoài ra không còn khoản bồi thường hỗ trợ nào khác. Trong khi, bà N có nhà trên đất bị thu hồi và không có nơi ở nào khác ở thị trấn T cũng như bất kỳ nơi nào khác. Không đồng ý với số tiền chi trả bồi thường và không có phương án hỗ trợ tái định cư, bà N khiếu nại Chủ tịch UBND huyện T, yêu cầu được chi trả bồi thường (hỗ trợ cây trồng) theo dự thảo Bảng chiết tính bồi thường số tiền 2.879.007.000 đồng; yêu cầu được hỗ trợ 02 nền tái định cư. UBND huyện T ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/2/2024 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Theo Thông báo này, UBND huyện thụ lý giải quyết đối với khiếu nại phần hỗ trợ cây trồng nhưng đến nay chưa có kết quả giải quyết khiếu nại và không thụ lý giải quyết đối với việc yêu cầu 2 lô tái định cư. Không đồng ý với Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/2/2024, bà N khiếu nại Chủ tịch UBND huyện. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 442/QĐ-UBND ngày 28/6/2024, Chủ tịch UBND huyện giữ nguyên Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/2/2024. Kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N nên bà N khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Địa điểm: Khu phố A, thị trấn T.

- Buộc UBND huyện T ban hành quyết định mới bồi thường cho bà số tiền 2.879.007.000 đồng theo dự thảo Bản chiết tính bồi thường;

- Buộc UBND huyện T xem xét giao 02 (hai) lô nền tái định cư.

- Hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T hỗ trợ thêm 1.000.000.000 đồng.

Người bị kiện vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày ý kiến:

Đối với yêu cầu được mua hai lô nền tái định cư: Bà Võ Kim N xây nhà trên đất nông nghiệp nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ tái định cư bằng nền. Bà N thuộc trường hợp tái định cư bằng tiền theo Quy định tại Quyết định số 8981/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 quy định về việc phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bằng tiền dự án Khu công nghiệp T trên địa bàn thị trấn T và Quyết định số 12309/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 8981/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 quy định về việc phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bằng tiền dự án Khu công nghiệp T trên địa bàn thị trấn T. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, UBND huyện T chưa ban hành quyết định về hỗ trợ tái định cư cho bà N

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 2.879.007.000 đồng theo dự thảo Bản chiết tính bồi thường: Theo bản dự thảo chiết tính bồi thường, số cây trồng được xác định bồi thường là 444.050.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm bồi thường, trên đất của bà N không còn cây trồng. Do đó, UBND huyện T căn cứ vào Biên bản kiểm đếm ngày 21/02/2020 và Biên bản đo đạc kiểm đếm ngày 05/8/2022, xác định “điều chỉnh giảm diện tích bồi thường từ 5.547m² thành 5.544m², các nội dung khác giữ nguyên theo Biên bản kiểm đếm ngày 21/02/2020” để bồi thường cây trồng cho bà N số tiền 41.875.000 đồng.

Từ những lý do trên, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Địa điểm: Khu phố A, thị trấn T; Hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu; Hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Đối với yêu cầu hỗ trợ 1.000.000.000 đồng: Yêu cầu này của bà N không có căn cứ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần P không có văn bản trình bày ý kiến, người đại diện theo ủy quyền trình bày tại phiên tòa: Công ty cổ phần P là chủ đầu tư, chi trả bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không phải người ban hành quyết định nên không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu: còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim N về việc:

- Hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Địa điểm: Khu phố A, thị trấn T.

- Hủy thông báo thụ lý số 97/TB-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Võ Kim N;

- Hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Võ Kim N;

- Buộc Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Võ Kim N theo đúng quy định pháp luật.

Đề nghị bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim N đối với yêu cầu buộc UBND huyện T hỗ trợ thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Về án phí: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Kim N không phải chịu tiền án phí. Chủ tịch UBND xã T phải nộp án phí HCST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, phạm vi giải quyết, thẩm quyền xét xử:

Yêu cầu của bà Võ Kim N là khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ Điều 30 và khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án căn cứ Điều 8 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thụ lý giải quyết theo tố tụng hành chính giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

[2] Về thời hiệu: Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Địa điểm: Khu phố A, thị trấn T. Sau khi nhận Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023, bà N khiếu nại về việc chi trả bồi thường và yêu cầu được giải quyết tái định cư. Tại Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND huyện không thụ lý yêu cầu khiếu nại tái định cư. Ngày 28/6/2024, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 442/QĐ-UBND không thụ lý giải quyết khiếu nại về việc bố trí nền tái định cư. Ngày 15/01/2025, bà N nộp đơn khởi kiện. Như vậy, thời hiệu khởi kiện đảm bảo đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116, Luật Tố tụng hành chính (01 năm).

[3] Về tư cách tố tụng: Bà Nguyễn Thị N1 khởi kiện UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Long An nên xác định bà N1 là người khởi kiện. UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Long An là người bị kiện. Từ ngày 01/7/2025 thực hiện việc sáp nhập đơn vị hành chính và phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, xác định thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phân quyền cho Chủ tịch UBND xã. Căn cứ Điều 5, Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai và hướng dẫn tại Mục 2.3.2 Công văn số 285/TANDTC-PC ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện là Chủ tịch UBND xã T.

[4] Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại theo quy định tại các Điều 135, Điều 138 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện.

[6] Về yêu cầu của người khởi kiện:

Đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Địa điểm: Khu phố A, thị trấn T.

- Hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 07/02/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

[7] Bà N1 cho rằng, UBND huyện T thu hồi đất của bà nhưng không thực hiện chính sách tái định cư, việc bồi thường cây trồng trên đất không đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, tại Biên bản đo đạc và kiểm đếm hiện trạng tài sản của người có tài sản gắn liền với đất thu hồi ngày 21/02/2020 của Hội đồng bồi thường và hỗ trợ tái định cư huyện T thể hiện Bà N1 là người có nhà trên đất nông nghiệp bị thu hồi. Tại phiên tòa và văn bản xác nhận số 1142/UBND-KT ngày 22/9/2025 của UBND xã T xác định bà N1 không còn thửa đất nào khác ngoài thửa đất bị thu hồi trên địa bàn xã T. Do đó bà N1 phải được hỗ trợ tái định cư theo Quy định tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 sửa đổi Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L.

Đối với Dự án Khu công nghiệp T còn được quy định tại Quyết định 8981/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bằng tiền dự án Khu công nghiệp T trên địa bàn thị trấn T, huyện T và Quyết định 12309/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 điều chỉnh Quyết định số 8981/QĐ-UBND ngày 29/9/2023; Quyết định 5229/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND huyện T về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và giá đất tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp T trên địa bàn thị trấn T, huyện T và Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 điều chỉnh Quyết định 5229/QĐ-UBND ngày 29/9/2023.

Theo khoản 3, Điều 69 Luật Đất đai 2013, thì khi thu hồi đất, cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất phải ban hành phương án tái định cư trong cùng một ngày. Tại Phương án số 231/PA-HĐBT ngày 22/12/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng dự án Khu công nghiệp T thì trường hợp bà N1 sẽ có phương án tái định cư riêng. Tuy nhiên, phần đất của bà N1 được thu hồi từ ngày 22/12/2023 (quyết định số 8280/UBND), chi trả bồi thường và hỗ trợ để giải phóng mặt bằng theo Quyết định 8487/UBND ngày 25/12/2023, đến nay vẫn chưa ban hành phương án tái định cư là không đúng theo quy định của pháp luật đất đai về thu hồi đất. Do đó, cần buộc UBND huyện T (người kế thừa là Chủ tịch UBND xã T) ban hành quyết định về hỗ trợ tái định cư theo quy định đối với bà Võ Kim N.

[8] Đối với yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng theo Dự thảo bảng chiết tính bồi thường: Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cung cấp Báo cáo số 149/TXM ngày 22/3/2024 của Tổ xác minh khiếu nại, báo cáo về kết quả xác minh khiếu nại của bà N về nội dung cây trồng. Theo Báo cáo thì ngày 20/10/2022 Hội đồng Bồi thường lập Biên bản kiểm đếm bổ sung, phần cây trồng xác định: “119 cây mít (50 loại B, 50 loại C, 19 loại

D); 150 cây xoài (75 loại B, 75 loại C); 196 cây dừa loại C; 285 cây tắc (145 loại A, 140 loại B); 695 cây mai (345 loại C, 350 loại D) và 148 bụi chuối loại A. Ngày 12/10/2023, HĐBT xây dựng dự thảo PABT tổ chức niêm yết và lấy ý kiến công khai trong các ngày 14/10, 15/10 và 22/10/2023 (bà N có dự vào ngày 14/10/2023). Khi tham gia lấy ý kiến dự thảo PABT, theo Bảng chiết tính bồi thường của bà Võ Kim N (MS 232), gồm: bồi thường đất 1.835.610.000đ, nhà 50.574.000đ, cây trồng 444.050.000đ và các chính sách hỗ trợ 548.773.000đ tổng cộng là 2.879.007.000đ. Nên bà N có ghi Phiếu ý kiến ngày 14/10/2023 là đồng ý (có kiến nghị được 1 suất TĐC).” Báo cáo cũng xác định khiếu nại của bà Võ Kim N là khiếu nại đúng. Tuy nhiên, sau khi xác minh thì UBND huyện T không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của bà N về nội dung bồi thường cây trồng. Mặc dù Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để UBND xã T cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng UBND xã không cung cấp Biên bản kiểm đếm ngày 20/10/2022 cho Tòa án mà chỉ cung cấp Báo cáo số 149/TXM ngày 22/3/2024 của Tổ xác minh khiếu nại, báo cáo về kết quả xác minh khiếu nại của bà N về nội dung cây trồng. UBND huyện T căn cứ vào Biên bản đo đạc và kiểm đếm hiện trạng tài sản của người có tài sản gắn liền với đất thu hồi ngày 21/02/2020 của Hội đồng bồi thường và hỗ trợ tái định cư huyện T và Biên bản đo đạc kiểm đếm bổ sung ngày 05/8/2022 là không đúng theo Quy định tại Quyết định số 18/2029/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh L và Thông báo số 7048/TB-UBND ngày 24/11/2023 của UBND huyện T về Kết luận cuộc họp tổ phúc tra, rà soát lại cây trồng dự án Khu công nghiệp T. Do đó, cần hủy Quyết định 8487/UBND ngày 25/12/2023 về việc chi trả bồi thường và hỗ trợ để giải phóng mặt bằng đối với bà Võ Kim N đối với phần giá trị cây trồng. Buộc Chủ tịch UBND xã T thực hiện công vụ về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà N theo nội dung xác minh và quy định của pháp luật.

[9] Đối với yêu cầu hủy Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 97/TB-UBND ngày 07/2/2024: Bà Võ Kim N khiếu nại yêu cầu được bố trí 2 lô nền tái định cư, yêu cầu bồi thường cây trồng theo dự thảo chiết tính bồi thường nhưng Chủ tịch UBND huyện không thụ lý khiếu nại về yêu cầu 2 lô nền với lý do: “tại Mục IV Phương án bồi thường số 231/PA-HĐBT có ghi rõ “tái định cư: có phương án riêng” và Quyết định 8487/QĐ-UBND không có quy định về tái định cư nên không đủ điều kiện thụ lý giải quyết khiếu nại” là không đúng quy định Điều 11 Luật Khiếu nại. Do đó cần hủy Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 97/TB-UBND ngày 07/2/2024 của Chủ tịch UBND huyện T.

[10] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu: Như đã phân tích ở trên, Chủ tịch UBND huyện T thụ lý yêu cầu của bà N về nội dung khiếu nại bồi thường cây trồng. Tuy nhiên, tại Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T lại không giải quyết nội dung khiếu nại đã thụ lý mà chỉ giữ nguyên Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 97/TB-UBND ngày 07/2/2024. Mặc dù UBND huyện đã tổ chức xác minh về nội dung khiếu nại bồi thường cây trồng của bà N nhưng lại không ghi nhận và trả lời khiếu nại cho bà N. Như vậy, Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện T không đảm bảo đúng nội dung

Điều 31 Luật Khiếu nại. Do đó yêu cầu hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 của Chủ tịch UBND huyện T là có căn cứ.

[11] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện T ban hành Quyết định mới bồi thường cho bà số tiền 2.879.007.000 đồng theo dự thảo Bản chiết tính bồi thường và xem xét giao 02 (hai) lô nền tái định cư. Đây là yêu cầu buộc cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường khi thu hồi quyền sử dụng đất. Do yêu cầu hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ được chấp nhận nên buộc Chủ tịch UBND xã T thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường cho bà Võ Kim N theo đúng quy định pháp luật. Về số tiền bồi thường cụ thể sẽ được Chủ tịch UBND xã T quyết định theo đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu được mua hai lô đất tái định cư: Do UBND huyện T chưa ban hành quyết định hỗ trợ tái định cư và như đã nhận định ở trên, Chủ tịch UBND xã T phải ban hành quyết định về hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật nên yêu cầu này của bà N sẽ được cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện T thực hiện theo quy định của pháp luật khi ban hành quyết định hỗ trợ tái định cư đối với bà N.

[12] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện T hỗ trợ thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng): Bà Võ Kim N trình bày, do hoàn cảnh khó khăn nên mong muốn được hỗ trợ thêm khoản tiền trên, bà N không cung cấp được căn cứ đưa ra yêu cầu này. Do đó, yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận.

[13] Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[14] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Kim N không phải chịu tiền án phí. Chủ tịch UBND xã T phải nộp án phí HCST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm b khoản 1 Điều 193, khoản 1 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 85, 86, 90, 93 Luật Đất đai 2013; Điều 11, 31 Luật Khiếu nại;

Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Kim N về việc:

- Hủy Quyết định số 8487/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND huyện T về việc chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án Khu công nghiệp T. Địa điểm: Khu phố A, thị trấn T.

- Hủy thông báo thụ lý số 97/TB-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Võ Kim N;

- Hủy Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Võ Kim N;

- Buộc Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Tây Ninh thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Võ Kim N theo đúng quy định pháp luật.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim N đối với yêu cầu buộc UBND huyện T (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là UBND xã T) hỗ trợ thêm 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Kim N không phải chịu tiền án phí. Chủ tịch UBND xã T phải nộp án phí HCST là 300.000 đồng.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thúy Lành